

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2016/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về xử lý kỷ luật cán bộ
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 135/TTr-SNV, ngày 07 tháng 3 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xử lý kỷ luật cán bộ xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2016./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về xử lý kỷ luật cán bộ xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc áp dụng hình thức kỷ luật; thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật; thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có hành vi vi phạm pháp luật.

2. Quy định này áp dụng đối với:

a) Cán bộ cấp xã được quy định tại Khoản 2 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức, bao gồm: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Cán bộ cấp xã nêu trên bao gồm cả cán bộ được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã.

Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật.

2. Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu cán bộ cấp xã có nhiều hành vi vi phạm pháp luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và chịu hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đối với hành vi vi phạm nặng nhất; trừ trường hợp có hành vi vi phạm phải xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức hoặc bãi nhiệm.

3. Trường hợp cán bộ cấp xã tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau:

a) Nếu có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành;

b) Nếu có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm pháp luật mới.

c) Thái độ tiếp thu, sửa chữa và chủ động khắc phục hậu quả của cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng hình thức kỷ luật.

Quyết định kỷ luật đang có hiệu lực thì hành chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm Quyết định kỷ luật đối với hành vi vi phạm pháp luật mới có hiệu lực thì hành.

4. Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp xã trong các trường hợp ở Điều 4 Quy định này, không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật; Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính thay cho hình thức kỷ luật.

5. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của cán bộ cấp xã trong quá trình xử lý kỷ luật.

Điều 3. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã là 24 tháng, kể từ thời điểm có hành vi vi phạm pháp luật cho đến thời điểm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền ra thông báo bằng văn bản về việc xem xét xử lý kỷ luật.

2. Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 02 tháng; trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 04 tháng.

3. Trường hợp cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật; trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người ra quyết định phải gửi quyết định và hồ sơ vụ việc cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật.

Điều 4. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật

1. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cho phép.

2. Đang trong thời gian điều trị bệnh có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

3. Cán bộ nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

4. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 5. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật

Cán bộ cấp xã được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1. Phải chấp hành quyết định trái pháp luật của cấp trên nhưng đã báo cáo người ra quyết định trước khi chấp hành.

2. Do bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp xã

1. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ cấp xã cùng cấp ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp xã trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã, nếu để cán bộ đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý. Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 15 ngày, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 15 ngày; nếu cán bộ bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử thì thời gian tạm giữ, tạm giam được tính là

thời gian nghỉ việc có lý do; hết thời hạn tạm đình chỉ công tác nếu cán bộ cấp xã không bị xử lý kỷ luật thì được tiếp tục bố trí làm việc ở vị trí cũ.

2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, cán bộ cấp xã được hưởng lương theo quy định.

Chương II **HÌNH THỨC XỬ LÝ KỶ LUẬT**

Điều 7. Các hình thức kỷ luật

1. Cán bộ cấp xã vi phạm quy định của Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Cách chức;
- d) Bãi nhiệm.

2. Cán bộ cấp xã phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm; trường hợp bị Tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Điều 8. Khiển trách

Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với cán bộ cấp xã có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ;
2. Không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng;
3. Gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức nơi đang công tác;
4. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 03 đến dưới 05 ngày làm việc trong một tháng;
5. Sử dụng tài sản công trái pháp luật;
6. Xác nhận giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;
7. Vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn mại dâm và các quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ.

Điều 9. Cảnh cáo

Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với cán bộ cấp xã có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;
2. Sử dụng thông tin, tài liệu của cơ quan, tổ chức, đơn vị để vụ lợi;
3. Không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cơ quan tổ chức, đơn vị có thẩm quyền;
4. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tham gia đào tạo, bồi dưỡng;
5. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 05 đến dưới 07 ngày làm việc trong một tháng;
6. Sử dụng trái phép chất ma túy bị cơ quan công an thông báo về cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đang công tác;

7. Để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng tại cơ quan phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn;

8. Vi phạm ở mức độ nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn mại dâm và các quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ nhưng đã thành khẩn kiểm điểm trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật, có thể khắc phục được hậu quả.

Điều 10. Cách chức

Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với cán bộ cấp xã có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bầu cử giữ chức vụ;
2. Không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng, để xảy ra hậu quả rất nghiêm trọng;
3. Bị phạt tù cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ;
4. Nghiện ma túy có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;
5. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 07 ngày làm việc trở lên trong một tháng hoặc từ 20 ngày làm việc trở lên trong một năm mà đã được cơ quan sử dụng cán bộ thông báo bằng văn bản 03 lần liên tiếp;

6. Vi phạm ở mức độ rất nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bình đẳng giới; kỷ luật lao động; phòng, chống tệ nạn mại dâm và các quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ cấp xã.

Điều 11. Bãi nhiệm

Hình thức xử lý kỷ luật bãi nhiệm được áp dụng đối với cán bộ cấp xã là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 10 Quy định này.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ LÝ KỶ LUẬT, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 12. Thẩm quyền, trình tự xử lý kỷ luật

1. Thẩm quyền xem xét kỷ luật: Việc xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã do cơ quan quản lý cán bộ cấp xã Quyết định; Đối với cán bộ cấp xã đã chuyển hoặc nghỉ công tác mới phát hiện hành vi vi phạm mà còn thời hiệu quy định thì cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ cấp xã trước đây tiến hành xử lý kỷ luật và gửi hồ sơ về cơ quan đơn vị đang quản lý cán bộ cấp xã. Nếu cơ quan sáp nhập, chia tách, hợp nhất thì những người có trách nhiệm liên quan phải bàn giao hồ sơ để cơ quan, đơn vị đang quản lý cán bộ cấp xã thực hiện việc xử lý kỷ luật.

2. Trình tự xem xét, xử lý kỷ luật: Cán bộ cấp xã nếu là Đảng viên thì xem xét, xử lý kỷ luật về Đảng trước theo quy định của Điều lệ Đảng. Trình tự xem xét, xử lý kỷ luật như sau:

- a) Tổ chức họp kiểm điểm tại cơ quan, đơn vị;
- b) Thành lập Hội đồng kỷ luật;
- c) Tổ chức họp Hội đồng kỷ luật;

d) Quyết định kỷ luật.

Điều 13. Tổ chức họp kiểm điểm

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật) tổ chức họp toàn thể cán bộ, công chức thuộc đơn vị để cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật tự kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật; đồng thời cử một công chức làm thư ký cuộc họp để ghi biên bản.

2. Cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật phải làm bản tự kiểm điểm. Bản tự kiểm điểm phải nêu rõ hành vi vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật. Trường hợp cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật không làm bản kiểm điểm hoặc vắng mặt sau 02 lần gửi giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, đến lần thứ 03 sau khi đã gửi giấy triệu tập, nếu cán bộ cấp xã tiếp tục vắng mặt thì cuộc họp kiểm điểm vẫn được tiến hành.

3. Nội dung cuộc họp kiểm điểm cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều này được lập thành biên bản có đầy đủ chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp. Nội dung biên bản phải có kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật đối với cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp kiểm điểm, biên bản cuộc họp kiểm điểm được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét theo thẩm quyền.

Điều 14. Hội đồng kỷ luật

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật

a) Cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật bị phạt tù mà không được hưởng án treo.

b) Cán bộ cấp xã bị xem xét xử lý kỷ luật khi đã có kết luận về hành vi vi phạm pháp luật của cấp ủy tổ chức Đảng theo quy định phân cấp quản lý cán bộ công chức của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Điều 15. Thành phần Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng kỷ luật cán bộ cấp xã có 05 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: làm Chủ tịch Hội đồng kỷ luật;

b) Đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy: Làm Ủy viên;

c) Đại diện lãnh đạo Liên đoàn Lao động cấp huyện: Làm Ủy viên;

d) Đại diện lãnh đạo Đảng ủy cấp xã hoặc đại diện Ủy ban nhân dân hoặc đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã có cán bộ bị xem xét xử lý kỷ luật: Làm Ủy viên;

đ) Trưởng phòng Nội vụ: Làm Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng.

2. Không được cử người có quan hệ gia đình như cha, mẹ, con được pháp luật thừa nhận; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; chị, em dâu; anh, em rể hoặc người có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ bị xem xét xử lý kỷ luật tham gia thành viên Hội đồng kỷ luật.

Điều 16. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng kỷ luật

1. Nguyên tắc làm việc

a) Hội đồng kỷ luật họp khi có từ 03 thành viên trở lên tham dự trong đó có Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng. Hội đồng kỷ luật kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật thông qua bỏ phiếu kín.

b) Việc họp Hội đồng kỷ luật phải được lập thành biên bản ghi ý kiến của các thành viên dự họp và kết quả bỏ phiếu kiến nghị hình thức kỷ luật áp dụng đối với cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trong thời gian hoạt động, Hội đồng kỷ luật được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 17. Tổ chức họp Hội đồng kỷ luật

1. Chuẩn bị họp

a) Chậm nhất là 7 ngày làm việc trước cuộc họp của Hội đồng kỷ luật, giấy triệu tập họp phải được gửi tới cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật. Cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật vắng mặt phải có lý do chính đáng. Trường hợp cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật vắng mặt sau 2 lần gửi giấy mời thì đến lần thứ 3 sau khi đã gửi giấy mời, nếu cán bộ đó vẫn vắng mặt thì Hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật.

b) Hội đồng kỷ luật có thể mời thêm đại diện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội nơi cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật đang công tác dự họp. Người được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến và đề xuất hình thức kỷ luật nhưng không được bỏ phiếu về hình thức kỷ luật.

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc xử lý kỷ luật, ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng kỷ luật.

d) Hồ sơ xử lý kỷ luật trình Hội đồng kỷ luật gồm có: Bản tự kiểm điểm, trích ngang sơ yếu lý lịch của cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật, biên bản cuộc họp kiểm điểm và các tài liệu khác có liên quan.

2. Trình tự họp

a) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật tuyên bố lý do, giới thiệu thành viên tham dự.

b) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc trích ngang sơ yếu lý lịch của cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật và các tài liệu khác có liên quan.

c) Cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật đọc bản tự kiểm điểm, nếu cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật vắng mặt thì Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc thay, nếu cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật không làm bản tự kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật vẫn tiến hành các trình tự, thủ tục còn lại của cuộc họp theo quy định tại Khoản này.

d) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc biên bản cuộc họp kiểm điểm.

đ) Thành viên Hội đồng kỷ luật và người tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến.

e) Cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật phát biểu ý kiến; nếu cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật không phát biểu ý kiến hoặc vắng mặt thì Hội đồng kỷ luật tiến hành các trình tự còn lại của cuộc họp quy định tại Khoản này.

g) Hội đồng kỷ luật bỏ phiếu kín kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật.

h) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật công bố kết quả bỏ phiếu kín và thông qua biên bản cuộc họp.

i) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật và Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật ký vào biên bản cuộc họp.

3. Trường hợp nhiều cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật thì Hội đồng kỷ luật họp để tiến hành xem xét xử lý kỷ luật đối với từng cán bộ.

Điều 18. Quyết định kỷ luật

1. Trình tự ra quyết định kỷ luật:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có kiến nghị việc xử lý kỷ luật bằng văn bản (kèm theo biên bản họp Hội đồng kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng kỷ luật hoặc bản án, quyết định phạt tù của Tòa án thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định kỷ luật hoặc kết luận cán bộ cấp xã không vi phạm pháp luật;

c) Đối với hình thức kỷ luật là bãi nhiệm, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã tổ chức họp Hội đồng nhân dân để thực hiện quy trình bãi nhiệm chức danh cán bộ do Hội đồng nhân dân bầu theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp có tình tiết phức tạp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định kéo dài thời hạn xử lý kỷ luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 80 Luật Cán bộ, công chức và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Quyết định kỷ luật phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành.

3. Sau 12 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực, nếu cán bộ cấp xã không tiếp tục có hành vi vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực.

4. Các tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ cán bộ cấp xã (lưu tại cấp huyện và cấp xã). Hình thức kỷ luật phải được ghi vào lý lịch của cán bộ cấp xã.

Điều 19. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

Cán bộ cấp xã khi bị kỷ luật có quyền khiếu nại về quyết định kỷ luật đối với mình đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Phục hồi danh dự, quyền lợi khi bị oan sai

Cán bộ cấp xã bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận là oan, sai thì được phục hồi danh dự, quyền lợi và được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quản lý hồ sơ kỷ luật

Cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ cấp xã có trách nhiệm quản lý hồ sơ kỷ luật của cán bộ cấp xã. Các quyết định về kỷ luật được lưu vào hồ sơ cán bộ cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ xã để thực hiện chế độ, chính sách liên quan.

Điều 22. Quy định về chế độ, chính sách liên quan đến cán bộ xã bị xử lý kỷ luật

1. Cán bộ cấp xã bị khiển trách hoặc cảnh cáo thì thời gian nâng lương bị kéo dài 06 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; nếu bị cách chức thì thời gian nâng lương bị kéo dài 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

2. Cán bộ cấp xã bị kỷ luật từ khiển trách đến cách chức thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; hết thời hạn này, nếu cán bộ cấp xã không vi phạm

đến mức phải xử lý kỷ luật thì tiếp tục thực hiện nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ cấp xã đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết nghỉ hưu hoặc thôi việc.

4. Cán bộ cấp xã bị kỷ luật cách chức, bãi nhiệm do tham nhũng thì không được bổ nhiệm, bầu cử vào vị trí lãnh đạo, quản lý.

Điều 23. Quy định riêng về xử lý kỷ luật đối với cán bộ Đảng, Mặt trận và các đoàn thể cấp xã

1. Đối với cán bộ cấp xã là Bí thư, Phó Bí thư Đảng uỷ; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam thì ngoài căn cứ theo quy định này, còn căn cứ vào Điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội để thực hiện việc xử lý kỷ luật.

2. Cơ quan thẩm quyền của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể cấp huyện tiến hành xem xét, xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã thuộc quyền theo Quy định này và thông báo kết quả xử lý cho Ủy ban nhân dân cấp huyện biết, quản lý. Quá thời hạn xử lý kỷ luật mà cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể cấp huyện không có quyết định xử lý thì người đứng đầu cơ quan chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phổ biến, quán triệt các nội dung của quy định này đến toàn thể cán bộ, công chức cấp xã; và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền theo đúng quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp huyện xử lý kỷ luật, bảo đảm thời hiệu theo Quy định này và quy định của Điều lệ Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật theo đúng quy định này và quy định của pháp luật có liên quan; đồng thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Mặt trận, Đoàn thể cùng cấp xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã là Bí thư, Phó Bí thư Đảng uỷ; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam theo quy định. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) theo đúng quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp việc triển khai tổ chức thực hiện quy định này, định kỳ cuối năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị